

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN QUAN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 04 - 6 - 2019
V/v Xin ly hôn, tranh chấp nuôi
con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN QUAN, TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vy Thiện Hào

Ông La Anh Thái

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Bích Liên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Vi Danh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2019 về xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vi Thị B. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Chỗ ở hiện nay: Thôn S, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nông Đình H. Cư trú tại: Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Vi Thị B trình bày:

Chị Vi Thị B và anh Nông Đình H được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn với nhau ngày 13/9/2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Trước khi kết hôn hai bên được tìm hiểu nhau, tự nguyện kết hôn, không bị lừa dối, ép buộc. Sau khi kết hôn chị Vi Thị

B và anh Nông Đình H cùng chung sống với gia đình anh Nông Đình H tại Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Trong quá trình chung sống, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn dẫn đến cuộc sống vợ chồng thường xuyên cãi vã, phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Từ tháng 9/2016 đến nay, chị và anh Nông Đình H sống ly thân, anh H sống cùng gia đình ở Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn còn chị B về sống cùng gia đình nhà mẹ đẻ ở thôn S, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị Vi Thị B xin được ly hôn anh Nông Đình H.

Về con chung: Chị Vi Thị B và anh Nông Đình H có một con chung tên là Nông Minh K, sinh ngày 03/7/2012, hiện nay cháu đang sống với chị Vi Thị B tại thôn S, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn và học tiểu học tại Trường tiểu học xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Khi ly hôn chị B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Nông Đình H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, vay nợ chung: không có.

Trong quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Nông Đình H đến viết bản tự khai nhưng anh H không có mặt. Tại phiên tòa hôm nay anh Nông Đình H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 25/4/2019 và trong đơn xin xét xử vắng mặt ngày 23/5/2019, anh Nông Đình H trình bày giữa anh và chị Vi Thị B tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 13/9/2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu, không bị ép buộc, lừa dối. Sau khi kết hôn vợ chồng không có mâu thuẫn nhưng chị Vi Thị B bỏ nhà đi từ năm 2016, hai vợ chồng sống ly thân từ 2016 cho đến nay. Chị Vi Thị B xin ly hôn anh đồng ý. Về con chung: Anh H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên là Nông Minh K, sinh ngày 03/7/2012, không yêu cầu chị Vi Thị B cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, vay nợ chung anh Nông Đình H trình bày anh và chị Vi Thị B không có tài sản chung và vay nợ chung.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/02/2019 cháu Nông Minh K trình bày ý kiến, nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn cháu muốn được sống cùng mẹ là Vi Thị B.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải tuy nhiên anh Nông Đình H vắng mặt và đề nghị Tòa án hòa giải vắng mặt tại Biên bản lấy lời khai ngày 25/4/2019. Do đó, Tòa án chỉ tiến hành được phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Thẩm phán đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục, tiến hành thu thập chứng cứ, hướng dẫn đương sự viết tự khai, lấy lời khai nguyên đơn, bị đơn, con chung, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định. Quá trình tiến hành tố tụng tại phiên tòa Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy

định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Bị đơn chưa chấp hành các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Vi Thị B được ly hôn với anh Nông Đình H. Giao cháu Nông Minh K, sinh ngày 03/7/2012 cho chị Vi Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi, anh Nông Đình H không phải cấp dưỡng nuôi con, không xem xét giải quyết về tài sản chung, vay nợ chung do cả hai bên đương sự đều thống nhất không có. Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng: Chị Vi Thị B có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn giải quyết việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung. Anh Nông Đình H hiện nay cư trú tại Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn. Bị đơn anh Nông Đình H đề nghị xét xử vắng mặt, tại phiên tòa nguyên đơn nhất trí xử vắng mặt bị đơn. Do vậy, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án: Ngày 13/02/2019 chị Vi Thị B gửi đơn xin ly hôn anh Nông Đình H và yêu cầu giải quyết về con chung nên xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị B và anh Nông Đình H kết hôn với nhau và đăng ký kết hôn ngày 13/9/2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu, kết hôn tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc. Sau khi kết hôn, chị Vi Thị B và anh Nông Đình H chung sống hạnh phúc được 03 năm, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do đời sống kinh tế khó khăn, anh H hay tụ tập uống rượu, không tu chí làm ăn, vợ chồng bất đồng quan điểm, không quan tâm, thông cảm lẫn nhau dẫn đến thường xuyên cãi vã, xô xát. Từ năm 2016 đến nay chị Vi Thị B và anh Nông Đình H sống ly thân với nhau, không còn thương yêu, quan tâm đến nhau. Tại phiên tòa, chị Vi Thị B giữ nguyên yêu cầu được ly hôn anh Nông Đình H. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị Vi Thị B và anh Nông Đình H là hợp pháp. Tuy nhiên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc dẫn đến ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, chị Vi Thị B xin ly hôn anh Nông Đình H nhất trí. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Vi Thị B.

[5] Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Vi Thị B và anh Nông Đình H đều yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên là Nông Minh K, sinh ngày 03/7/2012, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tại Biên bản xác minh ngày 25/4/2019 với đại diện Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn và thể hiện cháu Nông Minh K đang sống cùng mẹ và đi học tại Trường tiểu học xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Xét về mức thu nhập của hai vợ chồng, tại công văn số 25/CV-UBND ngày 12/5/2019 của Ủy ban nhân dân xã T xác nhận anh Nông Đình H làm việc trồng trọt tại địa phương, không có thu nhập ổn định, không được hưởng trợ cấp xã hội, mức thu nhập trung bình của lao động cùng loại tại địa phương khoảng 1.500.000 đồng/tháng. Theo hợp đồng lao động số 190470 ngày 19/02/2019 và giấy xác nhận thu nhập ngày 03/5/2019 của Công ty trách nhiệm hữu hạn SK xác định chị Vi Thị B đang làm việc cho Công ty trách nhiệm hữu hạn SK với tổng mức thu nhập hàng tháng từ 5 triệu đồng đến 10 triệu đồng, trong đó có xác nhận thu nhập thực tế tháng 3/2019 của chị Vi Thị B là 10.083.994 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng hiện nay cháu Nông Minh K đang sống và học tập ổn định tại trường tiểu học xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Cháu có nguyện vọng bố mẹ ly hôn muốn được ở với mẹ là chị Vi Thị B. Xét về điều kiện kinh tế và khả năng chăm sóc giáo dục thấy chị Vi Thị B có thu nhập ổn định đảm bảo được cuộc sống, học tập và sinh hoạt của cháu Nông Minh K. Anh Nông Đình H không có công việc, không có thu nhập ổn định nên không có điều kiện kinh tế và khả năng để bảo đảm được cuộc sống, học tập, sinh hoạt cho cháu Nông Minh K. Tại phiên tòa chị Vi Thị B vẫn giữ nguyên yêu cầu được nuôi con nên cần chấp nhận yêu cầu này của chị Vi Thị B, giao cháu Nông Minh K cho chị Vi Thị B chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, chị Vi Thị B giữ nguyên ý kiến không yêu cầu anh Nông Đình H cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa anh Nông Đình H vắng mặt, không thể hiện ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của chị Vi Thị B.

[7] Về tài sản chung, vay nợ chung: Hai bên đương sự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các

Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Vi Thị B được ly hôn anh Nông Đình H
 2. Về con chung: Giao cháu Nông Minh K, sinh ngày 03/7/2012 cho chị Vi Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Nông Đình H không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Nông Đình H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.
 3. Về tài sản chung, vay nợ chung: không có
 4. Về án phí: Chị Vi Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) sung quỹ Nhà nước. Xác nhận chị Vi Thị B đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2012/03882 ngày 25/02/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.
- Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Thu Hương